

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 24/2016/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 06 tháng 5 năm 2016

*Đã
- cấp
- XMA?*

QUYẾT ĐỊNH

V/v thu phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường,
bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi
bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính, sửa
đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính,
hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị Quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 07/7/2014 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Lào Cai về các loại Phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 178/TTr-STC ngày 04/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định việc thu Phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, bến,
bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí

1.1. Các chủ sở hữu (hoặc người điều khiển) các loại phương tiện giao thông
trong các trường hợp sau:

a) Vào các bến, bãi được phép sử dụng phù hợp theo quy hoạch, quy định của
cấp có thẩm quyền;

b) Đỗ tại các điểm được phép tạm dừng, tạm đỗ tại lề đường, lòng đường theo quy hoạch sử dụng giao thông đô thị, đường nội bộ.

1.2. Các tổ chức, cá nhân hoặc các chủ phương tiện sử dụng mặt nước để vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại các cửa khẩu, lối mở, điểm xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh theo quy định.

1.3. Các tổ chức, cá nhân có sử dụng hè đường vào mục đích kinh doanh hoặc sử dụng tập kết vật liệu để phục vụ công trình xây dựng được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy hoạch giao thông đô thị, đường nội bộ.

2. Mức thu phí

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với việc tạm dừng, tạm đỗ xe ô tô các loại ở những lề đường, lòng đường được phép đỗ theo quy hoạch sử dụng đất, giao thông đường bộ, đô thị		
a	Thu theo lần đỗ	Đồng/xe/lần đỗ	10.000
b	Thu theo tháng	Đồng/xe/tháng	200.000
2	Các tổ chức, cá nhân có sử dụng hè đường vào mục đích kinh doanh được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy hoạch giao thông đô thị, đường nội bộ		
a	Đối với bờ kè Sông Hồng thuộc phường Duyên Hải, Cốc Lều, Kim Tân và Trung tâm Thị trấn Sapa	Đồng/m ² /tháng	50.000
b	Các khu vực còn lại trên địa bàn Thành phố Lào Cai	Đồng/m ² /tháng	30.000
c	Các khu vực còn lại	Đồng/m ² /tháng	20.000
3	Các tổ chức, cá nhân có sử dụng hè đường vào mục đích tập kết vật liệu để phục vụ công trình xây dựng được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy hoạch giao thông đô thị, đường nội bộ	Đồng/m ² /tháng	30.000
4	Đối với việc sử dụng bến, bãi, mặt nước		
a	Đối với các phương tiện giao thông đường thủy	Đồng/ tấn tải trọng phương tiện / lượt	5.000

b	Đối với các phương tiện giao thông đường bộ		
b1	Tại các Bến xe khách trên địa bàn tỉnh		
	Mức thu ban ngày		
	Xe máy, xe thô sơ (Bao gồm cả xe máy điện)	Đồng/lần/xe	5.000
	Xe Taxi	Đồng/lần/xe	10.000
	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	30.000
	Xe ô tô chở khách từ 9 chỗ ngồi đến 20 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	50.000
	Xe ô tô chở khách trên trên 20 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	80.000
	Xe ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi đến 40 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	120.000
	Xe ô tô chở khách trên 40 chỗ ngồi chở lên và xe giường nằm	Đồng/lần/xe	150.000
	Mức thu ban đêm		
	Xe máy, xe thô sơ (Bao gồm cả xe máy điện)	Đồng/lần/xe	10.000
	Xe Taxi	Đồng/lần/xe	20.000
	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	60.000
	Xe ô tô chở khách từ 9 chỗ ngồi đến 20 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	100.000
	Xe ô tô chở khách trên trên 20 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	160.000
	Xe ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi đến 40 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	190.000
	Xe ô tô chở khách trên 40 chỗ ngồi chở lên và xe giường nằm	Đồng/lần/xe	300.000
b2	Tại các bến, bãi được phép quản lý sử dụng và kinh doanh khác		
	Mức thu ban ngày		
	Xe máy, xe thô sơ (Bao gồm cả xe máy điện)	Đồng/lần/xe	5.000
	Xe Ô tô điện	Đồng/lần/xe	20.000

	Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 9 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	50.000
	Xe ô tô trọng tải từ 10 đến 20 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ ngồi đến 20 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	70.000
	Xe ô tô trọng tải từ trên 20 đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách trên 20 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	100.000
	Xe ô tô trọng tải từ 30 đến dưới 40 tấn, Container 20Fit ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi đến 40 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	130.000
	Xe ô tô trọng tải từ 40 tấn trở lên, Container 40Fit ô tô chở khách trên 40 chỗ ngồi chở lên và xe giường nằm	Đồng/lần/xe	150.000
	<i>Mức thu ban đêm</i>		
	Xe máy, xe thô sơ (Bao gồm cả xe máy điện)	Đồng/lần/xe	10.000
	Xe Ô tô điện	Đồng/lần/xe	30.000
	Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 9 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	70.000
	Xe ô tô trọng tải từ 10 đến 20 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ ngồi đến 20 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	120.000
	Xe ô tô trọng tải từ trên 20 đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách trên 20 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	180.000
	Xe ô tô trọng tải từ 30 đến dưới 40 tấn, Container 20Fit ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi đến 40 chỗ ngồi	Đồng/lần/xe	220.000
	Xe ô tô trọng tải từ 40 tấn trở lên, Container 40Fit ô tô chở khách trên 40 chỗ ngồi chở lên và xe giường nằm	Đồng/lần/xe	280.000
b3	Trường hợp xe đỗ cả ngày, cả đêm mức thu bằng mức thu ban ngày cộng với mức thu ban đêm		

3. Quản lý và sử dụng nguồn phí thu được

3.1. Quy định tỷ lệ nộp ngân sách:

a) Cơ quan Thuế thực hiện thu phí sử dụng mặt nước quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 2 Quyết định này nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách;

b) Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thực hiện thu phí (trừ thu phí sử dụng mặt nước quy định tại tiết a, điểm 4, khoản 2, Điều 1 Quyết định này) được để lại 60% trên tổng số tiền thực thu; 40% nộp ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách;

c) Đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư bến bãi để kinh doanh được phép thu phí (trừ thu phí sử dụng mặt nước quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 2 Quyết định này), số tiền phí thu được hoạch toán vào doanh thu và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định.

3.2. Quản lý, sử dụng:

a) Nguồn thu từ phí được quản lý và sử dụng theo các quy định hiện hành về quản lý tài chính;

b) Chứng từ thu thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại hóa đơn, dịch vụ; chứng từ thu tiền phí, lệ phí.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thu phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai, sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thu phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TTr: HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh
- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT - TH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, TH, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

